

Mẫu số 14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202...

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số:-202.../QLDAT-BBB.../TC1-CHCT

GÓI THẦU:[Ghi tên gói thầu]

THUỘC DỰ ÁN:[Ghi tên dự án]

Giữa

CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
(LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP : CÔNG TY TNHH)-
VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Và

CÔNG TY [Ghi tên Nhà thầu]

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ Quy định về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-VNPT.TPHCM-QLDAT ngày/...../..... của Giám đốc Viên thông thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “.....” thuộc dự án “.....”;

Căn cứ Văn bản số/VNPT.TPHCM-QLDAT ngày/...../..... của Giám đốc Viên thông thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Hôm nay, ngày tháng năm tại địa điểm giao dịch Chi nhánh Tập đoàn Bru chính Viên thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH) - Viên thông thành phố Hồ Chí Minh số 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, Tp. Hồ Chí Minh, chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (Bên giao thầu, sau đây gọi là Bên A)

Tên giao dịch : **Chi nhánh Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH) - Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ đăng ký : 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ giao dịch : 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0283.5282320

Tài khoản : 037.100.069.7979 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0300954529

Đại diện là : Ông **Hồ Minh Kiệt** Chức vụ: **Giám đốc Ban Quản lý Dự án Tây TP**

(Giấy ủy quyền số 3695/UQ-VNPT.TPHCM-NS ngày 17/10/2022 của Giám đốc Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh)

Nhà thầu (Bên nhận thầu, sau đây gọi là Bên B)

Tên giao dịch : **Công ty**

Địa chỉ :

Điện thoại :

Tài khoản :

Mã số thuế :

Đại diện là : Chức vụ:

(Giấy ủy quyền số ngày/...../..... của)

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;

8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng (sau thuế GTGT):đồng.

(Bằng chữ:đồng).

Trong đó:

- Giá trị trước thuế GTGT :đồng.
- Thuế GTGT (8%) :đồng.

2. Phương thức thanh toán Thanh toán theo phương thức nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng theo quy định tại Mục 44.1 E-ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng : Theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: **55 ngày** kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư thông báo khởi công cho đến khi Chủ đầu tư nhận được hồ sơ quyết toán 1 tập.

Thời gian thực hiện hợp đồng cụ thể như sau :

7.1. Thời gian thực hiện gói thầu : **45 ngày** kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và chủ đầu tư thông báo khởi công cho đến khi nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Chi tiết như sau :

- + Thời gian thi công: **35 ngày** kể từ ngày khởi công ghi trong Thông báo khởi công của Chủ đầu tư cho đến ngày Nhà thầu thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư ngày hoàn thành thi công dự án hoặc ngày ghi cuối cùng trong nhật ký thi công xây dựng dự án có xác nhận của giám sát Chủ đầu tư.
- + Thời gian lập hồ sơ hoàn công: **05 ngày** kể từ ngày hoàn thành công trình đến ngày Nhà thầu giao cho Chủ đầu tư 01 tập hồ sơ hoàn công.
- + Thời gian nhân bản hồ sơ hoàn công: **02 ngày** kể từ ngày Chủ đầu tư xác nhận hồ sơ hoàn công hoàn chỉnh cho đến khi Nhà thầu giao cho Chủ đầu tư 05 tập hồ sơ hoàn công hoàn chỉnh.

- + Thời gian tổ chức nghiệm thu: trong vòng **03 ngày** kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ hoàn công nhân bản hoàn chỉnh cho đến ngày các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

7.2. Thời gian lập hồ sơ quyết toán: trong vòng **10 ngày** kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng cho đến khi Chủ đầu tư nhận được hồ sơ quyết toán 1 tập.

7.3. Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trên không bao gồm:

- + Ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định của Chính phủ;
- + Thời gian Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng thụ lý, xử lý hồ sơ (nếu có);
- + Các trường hợp bất khả kháng .

Trường hợp do các nguyên nhân khách quan gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thông báo cho nhau để bàn bạc thỏa thuận điều chỉnh tiến độ hoặc trình các cấp thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 8. Bảo hành công trình

Thời hạn bảo hành công trình là 12 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành công trình kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng cho đến khi hết thời hạn bảo hành.

Trong vòng **10 ngày** kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Nhà thầu có trách nhiệm nộp bảo lãnh bảo hành hoặc có văn bản đề nghị Chủ đầu tư khấu trừ tiền mặt trong các khoản thanh toán đến hạn của hợp đồng.

Bảo đảm bảo hành: Nhà thầu nộp thư bảo lãnh do một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam phát hành, hợp lệ theo quy định về phân cấp ký, phát hành thư bảo lãnh của từng ngân hàng hoặc tổ chức tài chính và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu cũng có thể thực hiện bảo đảm bảo hành bằng cách đề nghị Chủ đầu tư khấu trừ tiền mặt trong các khoản thanh toán đến hạn của hợp đồng bằng văn bản và được Chủ đầu tư chấp thuận.

Mức bảo đảm bảo hành là 5% giá trị hợp đồng sau thuế. Bảo đảm bảo hành phải có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết thời gian bảo hành cộng thêm 30 ngày..

Xử lý sự cố trong thời gian bảo hành: Nhà thầu cam kết xử lý bằng chi phí của Nhà thầu bất kì sự cố liên quan đến các hạng mục công trình đã thi công trong vòng không quá **03 giờ** kể từ khi nhận được thông báo qua tin nhắn, điện thoại của Chủ đầu tư.

Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi phải được bắt đầu trong vòng không quá **05 ngày làm việc** sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Đơn vị khác thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho Đơn vị nêu trên sẽ do Nhà thầu chịu và sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên;

Nhà thầu được hoàn trả Bảo đảm bảo hành (sau khi trừ chi phí Chủ đầu tư đã chi trả cho việc sửa chữa công trình trong thời gian bảo hành như đã nêu trên, nếu có) sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được Chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Nhà thầu.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Chủ đầu tư giữ 04 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TUQ. GIÁM ĐỐC VIỆN THÔNG TP.HCM
GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TÂY
THÀNH PHỐ

.....

Hồ Minh Kiệt

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

PHỤ LỤC 1: BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng số-202...../QLDAT-BBB.../TC1-CHCT ngày
...../...../.....)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (trước thuế)	Thành tiền (trước thuế)
1					
2					
4					
...					
Tổng giá trị trước thuế					
Thuế GTGT (8%)					
Tổng giá trị sau thuế					

Tổng giá trị sau thuế bằng chữ: đồng.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TUQ. GIÁM ĐỐC VIỆN THÔNG TP.HCM
GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TÂY
THÀNH PHỐ

.....

Hồ Minh Kiệt

Phụ lục 2 :**YÊU CẦU VỀ BẢO HIỂM**

**(Đính kèm Hợp đồng số-202...../QLDAT-BBB.../TC1-CHCT ngày
...../...../.....)**

1. Nhà thầu phải mua bảo hiểm theo quy định hiện hành tại một công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp ở Việt Nam.
2. Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm rủi ro trong quá trình xây dựng công trình (bao gồm cả vật tư A cấp cho công trình) đối với gói thầu “ Thi công xây lắp và mua bảo hiểm công trình” thuộc công trình “Xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông trạm BTS VNPT xây dựng-Đợt 3”.
3. Thông tin Người được bảo hiểm:
 - **Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH)– Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh**
 - Địa chỉ trụ sở chính: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Địa chỉ trụ sở giao dịch: 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh.
4. Số tiền bảo hiểm: **5.729.754.718 đồng**

Số tiền bảo hiểm cho từng trạm. Cụ thể như sau :

STT	Tên trạm	Số tiền bảo hiểm
1	HCM2026-1210	53.940.585
2	HCM2026-1069	559.895.023
3	HCM2026-856	216.005.617
4	HCM2026-1035	568.789.044
5	HCM2026-1070	548.476.080
6	BDG2025-130	582.273.808
7	HCM2026-989	691.256.375
8	HCM2026-817	558.075.673
9	HCM2026-1054	689.305.130
10	HCM2026-830	523.755.398
11	HCM2024-125	190.886.819
12	BDG2025-025	547.095.166
	Tổng	5.729.754.718

5. Thời hạn bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công đến khi công trình hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng (*cộng thêm 12 tháng bảo hiểm bảo hành*) (tổng thời hạn bảo hiểm không vượt quá 72 tháng (bao gồm cả 12 tháng bảo hiểm bảo hành).
6. Hạng mục được bảo hiểm: Thiệt hại vật chất công trình
Được xác định bằng 100% số tiền bảo hiểm.
7. Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư thực hiện tốt các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp xảy ra tổn thất, Nhà thầu phải báo cáo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư, đồng thời liên hệ với đơn vị bảo hiểm để làm các thủ tục yêu cầu bảo hiểm theo các quy định trong hợp đồng bảo hiểm, cụ thể như sau:
 - Lập tức thông báo cho Công ty bảo hiểm bằng điện thoại hay điện tín cũng như bằng văn bản, nêu rõ tính chất và mức độ thiệt hại.
 - Thực hiện mọi biện pháp phù hợp với khả năng của mình để hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.
 - Bảo quản các bộ phận, hạng mục bị thiệt hại và sẵn sàng để cho đại diện hay giám định viên của công ty bảo hiểm giám định các bộ phận, hạng mục đó.
 - Cung cấp mọi thông tin và chứng từ, văn bản theo yêu cầu của Công ty bảo hiểm.
 - Thông báo cho cơ quan công an trong trường hợp tổn thất do trộm cắp.
8. Nhà thầu phải tự gánh chịu chi phí khắc phục thiệt hại trong các trường hợp bao gồm nhưng không giới hạn sau:
 - Đơn vị bảo hiểm từ chối không bảo hiểm các thiệt hại do lỗi của Nhà thầu như: không kịp thời khai báo thiệt hại, không hợp tác với nhà thầu bảo hiểm để điều tra thiệt hại, không áp dụng những biện pháp ngăn ngừa thiệt hại...
 - Các thiệt hại có chi phí khắc phục nhỏ hơn mức yêu cầu tối thiểu của hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
 - Các thiệt hại có chi phí khắc phục vượt quá hạn mức trách nhiệm bồi thường của hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
 - Các thiệt hại không thuộc trách nhiệm bồi thường của hợp đồng bảo hiểm.
 - Nhà thầu bằng chi phí của mình chi trả số tiền bằng mức khấu trừ theo hợp đồng bảo hiểm trong mỗi sự kiện bảo hiểm

Phụ lục 3 :**CÁC BIỂU MẪU**

*(Đính kèm Hợp đồng số-202...../QLDAT-BBB.../TC1-CHCT ngày
...../...../.....)*

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Số ngày tháng năm

- Tên/số hợp đồng xây dựng:
- Tên Bên giao thầu:
- Tên Bên nhận thầu:
- Công trình:
- Gói thầu:
- Giai đoạn thanh toán/lần thanh toán số:

Căn cứ khối lượng đã được nghiệm thu, bên nhận thầu đề nghị bên giao thầu thanh toán số tiền như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị sau thuế GTGT	Ghi chú
1	Giá trị ký kết hợp đồng			
2	Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng			
2.1	Giá trị khối lượng các công việc trong hợp đồng			
2.2	Giá trị khối lượng các công việc phát sinh ngoài hợp đồng			
3	Giá trị thanh toán theo hợp đồng (1x% hoặc 2x%)			Tham khảo điều khoản hợp đồng
4	Chiết khấu tiền tạm ứng			
5	Giá trị đề nghị thanh toán (3-4)			

Bằng chữ:

Hồ sơ kèm theo:

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**

.....

**Phụ lục 4 : BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC
HOÀN THÀNH**

GIAI ĐOẠN/THEO HỢP ĐỒNG

Số.....ngàytháng.....năm.....

- Tên/số hợp đồng xây dựng:
- Tên Bên giao thầu :
- Tên Bên nhận thầu :
- Công trình :
- Gói thầu :
- Giai đoạn thanh toán/lần thanh toán số:
- Căn cứ xác định:

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Đơn giá thanh toán	Thành tiền sau GTGT		Ghi chú (Tỉ lệ %)
			Theo hợp đồng	Đã thực hiện		Theo hợp đồng	Đã thực hiện	
1								
2								
....								
	Tổng cộng							

Bảng chữ:

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**

.....

**Phụ lục 5 : BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI
HỢP ĐỒNG**

Số.....ngàytháng.....năm.....

- Tên/số hợp đồng xây dựng:
- Tên Bên giao thầu :
- Tên Bên nhận thầu :
- Công trình :
- Gói thầu :
- Giai đoạn thanh toán/lần thanh toán số:
- Căn cứ xác định:

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh	Đơn giá		Thành tiền sau GTGT		Ghi chú
				Theo hợp đồng	Theo đơn giá bổ sung	Theo hợp đồng	Theo đơn giá bổ sung	
Tổng cộng								

Bảng chữ:

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**

.....

Phụ lục 6 :

**TẬP ĐOÀN
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
VIỄN THÔNG TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202.....

BIÊN BẢN XÁC NHẬN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Tên dự án:

Mã dự án:

Gói thầu:

Căn cứ hợp đồng thi công số ... /... ký ngày/...../..... giữa và Công ty

Căn cứ Thông báo khởi công, Hồ sơ hoàn công, Nhật ký thi công, Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng và Hồ sơ quyết toán công trình,

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Bên A:

Ô.

Chức vụ:

- Đại diện Bên B:

Ô.

Chức vụ:

Cùng thống nhất lập biên bản xác nhận tiến độ thực hiện hợp đồng với các nội dung sau:

I/ Tiến độ thực hiện hợp đồng

TT	Diễn giải	Theo hợp đồng			Thực tế thực hiện					Số ngày chậm tiến độ	Nguyên nhân chậm
		Bắt đầu	Hoàn thành	Số ngày	Bắt đầu	Hoàn thành	Tổng số ngày thực hiện	Số ngày dừng do yếu tố khách quan	Số ngày thực tế thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = (8) – (9)	11 = (10) – (5)	12
1	Thời gian thi công	Ngày khởi công ghi trong thông báo khởi công của Bên A	Ngày công trình được thi công hoàn thành								
2	Thời gian lập hồ sơ hoàn công	Ngày công trình được thi công hoàn thành	Ngày Bên A nhận được 1 bộ hồ sơ hoàn công hoàn chỉnh								
3	Thời gian nhận bàn hồ sơ hoàn công	Ngày Bên B nhận lại 01 bộ hồ sơ hoàn công đã được Bên A kiểm tra	Ngày Bên A nhận được 4 bộ hồ sơ hoàn công hoàn chỉnh								

4	Thời gian lập hồ sơ quyết toán	Ngày ký biên bản nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	Ngày Bên A nhận được 01 bộ hồ sơ quyết toán hoàn chỉnh								
	Thời gian thực hiện hợp đồng (1+2+3+4)										

II/ Kết luận

- Thời gian hoàn thành thi công không chậm so với hợp đồng ký kết hoặc chậm ngày so với hợp đồng ký kết.
- Thời gian lập hồ sơ hoàn công, nhân bản hồ sơ hoàn công, lập hồ sơ quyết toán không chậm so với hợp đồng ký kết hoặc chậm ngày so với hợp đồng ký kết.
- Thời gian thực hiện hợp đồng của Bên B không chậm so với hợp đồng ký kết hoặc chậm ... ngày so với hợp đồng ký kết.

Ký tên

Giám sát A: Ông Nguyễn Văn A

Chỉ huy trưởng công trình: Ông Nguyễn Văn B

Đại diện Chủ đầu tư

(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đại diện Nhà thầu

(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7 :

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
VIỄN THÔNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 202.....

BIÊN BẢN XÁC NHẬN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ HOÀN THÀNH

Tên dự án:

Mã dự án:

Gói thầu:

Căn cứ hợp đồng thi công số ... /... ký ngày/...../..... giữa và Công ty

Căn cứ Thông báo khởi công, hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện bên A: Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam - Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh

Ông: Chức vụ:

Ông: Chức vụ:

2. Đại diện bên B: Công ty

Ông: Chức vụ:

STT	TÊN VẬT TƯ	Đơn vị	MÃ VẬT TƯ	Phiếu		Vật tư xuất kho			Vật tư hoàn nhập/điều chuyển			Giá trị khối lượng vật tư thi công	
				Số	Ngày	số lượng xuất	Đơn giá	Thành tiền	số lượng hoàn nhập/điều chuyển	Đơn giá	Thành tiền nhập	Số lượng	Thành tiền

	Tổng cộng												

Bằng chữ: đồng

- Giá trị khối lượng vật tư cấp cho công trình (Vật tư xuất kho - Vật tư hoàn nhập) : đồng.

- Giá trị khối lượng vật tư hoàn thành lắp đặt : đồng.

KẾT LUẬN :

Giá trị khối lượng vật tư A hoàn thành đạt: đồng

Biên bản này được lập là căn cứ để hai bên A-B xác định giá trị vật tư hoàn thành lắp đặt tại thời điểm hiện tại.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM SÁT A

TRƯỞNG PHÒNG DỰ ÁN

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC

**TUQ.GIÁM ĐỐC VIỆN THÔNG TP.HCM
GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TÂY THÀNH PHỐ**

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽³⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.